

Số: 03 /QĐ-MNHT

Hùng Thắng, ngày 16 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí; thực hành giờ dạy kiêm chống lãng phí; Quản lý và sử dụng tài sản công

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HÙNG THẮNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ thông tư 52/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường Mầm non;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chế độ chi đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng được ngân sách thành phố hỗ trợ năm 2019;



Căn cứ Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Tiên Lãng năm 2025;

Căn cứ nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 3051/HDLS-GDDĐT-STC ngày 02/11/2020 Thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành Phố Hải Phòng quy định về thu dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn số 2716/SGDDĐT-TrH ngày 03/10/2023 của Sở giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm từ năm học 2023-2024

Căn cứ kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 24/9/2018 Kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của hội đồng nhân dân thành phố về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn 86/HDLS-GDDĐT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí năm học 2024-2025 đối với các trường công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn số 3417/VP-VX ngày 23/5/2024 của Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng trường mầm non Hùng Thắng ngày 08/01/2025 về việc thông qua quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện chế độ tự chủ, thực hành giờ dạy kiêm chống lãng phí và sử dụng tài sản công năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: "*Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí; thực hành giờ dạy kiêm chống lãng phí; quản lý và sử dụng tài sản công*"

Quy chế gồm IV chương, 14 điều.

Điều 2. Tập thể lãnh đạo, Ban Chấp hành Công đoàn và các tổ chức đoàn thể, viên chức, lao động trường mầm non Hùng Thắng có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*** Nơi nhận:**

- Phòng TCKH Huyện;
- Kho bạc nhà nước;
- Như điều 2: (thực hiện);
- Lưu: VT.



Vũ Thị Phương

QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số:03 /QĐ-MNHT ngày 16/01/2025 của trường mầm non Hùng Thắng)

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

Trường Trường Mầm non Hùng Thắng một đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên (nhóm 4).

Quy chế chi tiêu nội bộ quy định về chế độ, tiêu chuẩn và định mức chi tiêu áp dụng thống nhất trong trường Mầm non Hùng Thắng. Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ nhằm các mục đích:

- Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho Thủ trưởng đơn vị để thực hiện hoạt động thường xuyên theo nhiệm vụ được giao.
- Là căn cứ để phân phối các khoản thu nhập cá nhân trong trường, công khai hoá chế độ phân phối thu nhập cá nhân để khuyến khích cán bộ, viên chức trong đơn vị chủ động và linh hoạt hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Là căn cứ để quản lý và thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị, thực hiện kiểm soát của kho bạc nhà nước và của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.
- Thực hiện công bằng trong phân phối thu nhập của trường.
- Sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả.
- Thực hiện giờ dạy kiệm, chống lãng phí, nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tạo điều kiện tăng thu nhập cho người lao động.
- Tạo sự công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, giảm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 2: Nguyên tắc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

- Khi thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đơn vị phải hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thực hiện quyền tự chủ phải gắn với tự chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật về những quyết định

của mình, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Quy chế chi tiêu nội bộ gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu, chi thống nhất trong toàn trường, đảm bảo cho nhà trường và các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng các nguồn kinh phí chủ động, có hiệu quả và thống nhất trong công tác quản lý. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ, ưu tiên nguồn tài chính để thực hiện các chế độ có liên quan đến con người và các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo số lượng, chất lượng hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của nhà trường, tạo điều kiện từng bước tăng thu nhập cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức trong toàn trường.

- Các tiêu chuẩn, định mức thu, chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ là căn cứ để Hiệu trưởng điều hành việc sử dụng, quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp của nhà trường.

- Quy chế chi tiêu nội bộ là cơ sở pháp lý để Kho bạc nhà nước thực hiện việc kiểm soát chi và gửi cơ quan chủ quản để theo dõi, giám sát thực hiện.

- Các tiêu chuẩn, định mức, nội dung chi nhà trường thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước.

Điều 3: Trách nhiệm của các thành viên trong nhà trường

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

- Hiệu trưởng phụ trách chung các hoạt động tài chính của nhà trường, điều hành toàn bộ hoạt động tài chính của nhà trường, chịu trách nhiệm trước cấp trên về toàn bộ các hoạt động tài chính của nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Công khai các khoản thu chi của nhà trường.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong chi tiêu tài chính của nhà trường.

2. Trách nhiệm của kế toán

- Tham mưu cho hiệu trưởng, giúp hiệu trưởng tổ chức điều hành thu chi tài chính, tài sản của nhà trường đảm bảo nguyên tắc và có hiệu quả.

- Quản lý hồ sơ, chứng từ tài chính: Hồ sơ chứng từ hợp lý, rõ ràng, đúng nguyên tắc tài chính.

- Đảm bảo chi trả đúng chính sách quy định.

- Chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng, trước pháp luật về nguyên tắc, chế độ chi tiêu tài chính và tài sản của nhà trường.

3. Trách nhiệm của thủ quỹ

- Quản lý tiền mặt của nhà trường, kiểm kê quỹ hàng tháng.

- Thu tiền, chi tiền ra khi và chi khi có đầy đủ chứng từ, chữ ký duyệt chi hoặc tạm ứng của hiệu trưởng và kế toán.

- Thu và chi phải có đủ chữ ký của người nộp hoặc lĩnh tiền.

4. Trách nhiệm của cán bộ, giáo viên phụ trách cơ sở vật chất

- Giáo viên phụ trách cơ sở vật chất là người tham mưu, giúp hiệu trưởng những công việc về cơ sở vật chất của nhà trường.

- Chủ động xây dựng kế hoạch, theo dự toán, bám sát toàn bộ cơ sở vật chất nhằm đảm bảo an toàn cho thầy và trò, đáp ứng các nhu cầu tối thiểu trong phạm vi nhà trường có giúp cho hoạt động dạy và học của nhà trường đi lên.

- Chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về chất lượng, nội dung công việc được giao, thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả mua sắm, sử dụng cơ sở vật chất trong nhà trường.

5. Trách nhiệm của giáo viên, nhân viên

- Tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh nộp tiền theo quy định, đầy đủ và đúng hạn.

- Đóng góp ý kiến về chế độ chi tiêu hành chính, tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu nội bộ nhà trường.

- Khi có nhu cầu chi tiền từ quỹ nhà trường phải có chứng từ đầy đủ, chữ ký duyệt chi của hiệu trưởng và kế toán. Lấy tiền từ thủ quỹ vào ngày quy định trong tuần.

6. Trách nhiệm của học sinh

Đóng góp đầy đủ, đúng hạn những khoản tiền phải nộp theo quy định; thực hiện nội quy của nhà trường và giữ gìn và bảo vệ tài sản, trang thiết bị.

Điều 4: Cơ sở pháp lý xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ thông tư 52/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường Mầm non;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chế độ chi đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng được ngân sách thành phố hỗ trợ năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Tiên Lãng năm 2025;

Căn cứ nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/05/2023 của của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 3051/HDLS-GDDT-STC ngày 02/11/2020 Thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về thu dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn số 2716/SGDDĐT-TrH ngày 03/10/2023 của Sở giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm từ năm học 2023-2024

Căn cứ kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 24/9/2018 Kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của hội đồng nhân dân thành phố về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn 86/HDLS-GDDĐT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí năm học 2024-2025 đối với các trường công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn số 3417/VP-VX ngày 23/5/2024 của Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

CHƯƠNG II

NGUỒN KINH PHÍ CỦA ĐƠN VỊ

Điều 5. Các nguồn thu

Nguồn thu tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

Nhà trường quản lý thống nhất và toàn diện các nguồn thu bao gồm:

1. Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp : 7.907.274.000 đồng

- Dự toán thu học phí năm 2025 (100% số thu): **412.848.000 đồng**

Trong đó:

+ Chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương: 7.454.935.000 đồng.

+ Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản có tính chất lương: 865.187.000 đồng.

1.1. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (mã nguồn 13)

1.1.1. Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương.

1.1.2. Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Chi quản lý hành chính, chi bảo vệ, lao công quét dọn, chi chuyên môn nghiệp vụ, chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên.

1.2. Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12,18)

Kinh phí cấp đầu năm 2025 mã nguồn 18 Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024: 335.528.000 đồng

UBND huyện sẽ cân đối bổ sung dự toán nguồn 12 theo các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025.

2. Thu học phí

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí năm học 2024-2025 đối với các trường công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Học kỳ II năm học 2024-2025:

+ Số học sinh: 534 cháu

+ Mức thu: - Nhà trẻ: 92.000đ/ trẻ/ tháng (thu 5 tháng)

- Mẫu giáo: 85.000đ/ trẻ/tháng(thu 5 tháng)

+ Dự kiến thu: NT: 81 cháu x 92.000đ x 5 tháng = 37.260.000 đồng

MG: 452 cháu x 85.000đ x 5 tháng = 192.100.000 đồng

Cộng : 229.360.000 đồng

- Học kỳ I năm học 2025-2026:

+ Số học sinh: 534 cháu

+ Mức thu: - Nhà trẻ: 92.000đ/ trẻ/ tháng (thu 4 tháng)

- Mẫu giáo: 85.000đ/ trẻ/tháng (thu 4 tháng)

+ Dự kiến thu: -NT: 81 cháu x 92.000đ x 4 tháng = 29.808.000 đồng

- MG: 452 cháu x 85.000đ x 4 tháng = 153.680.000 đồng

Cộng : 183.488.000 đồng

- Tổng số dự kiến thu năm 2025: 412.848.000 đồng

3. Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn 86/HDLS-GDDT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

3.1. Tiền phục vụ bán trú (tiền ăn và chất đốt)

3.1.1 Tiền ăn bữa chính: 22.000đ/trẻ/ngày (Thu và thanh toán theo tháng căn cứ theo số ngày thực ăn của trẻ)

- **Học kỳ II năm học 2024-2025:**

+ Số học sinh: 533

- Mức thu: 22.000 đ x 533 cháu x 22 ngày x 5 tháng = 1.289.860 000 đ

- **Học kỳ I năm học 2025-2026:**

+ Số học sinh: 533

- Mức thu: 22.000 đ x 22 ngày x 4 tháng x 533 cháu = 1.031.888 000 đ

- **Tổng số dự kiến thu năm 2025: 2.321.748.000 đồng**

3.1.2 Tiền ăn sáng : 10.000 đ/trẻ/ ngày (Thu và thanh toán theo tháng căn cứ theo số ngày thực ăn của trẻ)

- **Học kỳ II năm học 2024-2025:**

+ Số học sinh: 150

- Mức thu: 10.000 đ x 150 x 22 ngày x 5 tháng = 165.000.000 đ

- **Học kỳ I năm học 2025-2026:**

+ Số học sinh: 150

- Mức thu: 10.000 đ x 22 ngày x 4 tháng x 150 cháu = 132.000.000 đ

- **Tổng số dự kiến thu năm 2025: 297 000 000 đồng**

+Thu tiền chất đốt thu đủ bù chi (thu theo số ngày học thực tế)

- **Học kỳ II năm học 2024-2025:**

+ Số học sinh: 533

- Mức thu: 2.000đ/ cháu/ ngày x số ngày thực tế đi học

- **Học kỳ I năm học 2025-2026:**

+ Số học sinh: 533

- Mức thu: 1.000đ- 2.000đ/ cháu/ ngày x ngày thực tế đi học

- **Tổng số dự kiến thu năm 2025: 210.068.000 đồng**

3.2. 2. Khoản thu phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh :

- **Học kỳ II năm học 2024-2025:**

+ Số học sinh: 533

- Mức thu: Học sinh mới: 340.000đ/ cháu/ năm

Học sinh cũ: 200.000đ/cháu/năm

- **Học kỳ I năm học 2025-2026:**

+ Số học sinh: 533

- Mức thu: Học sinh mới: 300.000đ/ cháu/ năm

Học sinh cũ: 200.000đ/cháu/năm

Dự thu: Học sinh mới: 113 cháu x 340.000đ = 38.420.000đ

Học sinh cũ: 420 cháu x 200.000đ = 84.000.000đ

- **Tổng số dự kiến thu năm 2025: 122.420.000 đồng**

3.1.3. Thu tiền quản lý học sinh ngoài giờ hành chính trẻ buổi trưa (thu theo số ngày thực tế đi học)

- **Học kỳ II năm học 2024-2025:**

+ Số học sinh: 533

- Mức thu: Học sinh nhà trẻ: 10.000đ/ cháu/ ngày x số ngày thực học

Học sinh mẫu giáo: 10.000đ/cháu/ngày x số ngày thực học

- Dự thu:

Học sinh nhà trẻ: 81 cháu x 10.000đ x 22 ngày x 5 tháng = 89.100.000đ

Học sinh mẫu giáo: 452 cháu x 10.000đ x 22 ngày x 5 tháng = 497.200.000đ

- **Học kỳ I năm học 2025-2026:**

+ Số học sinh: 533

- Mức thu: Học sinh nhà trẻ: 10.000đ/ cháu/ ngày x số ngày thực học

Học sinh mẫu giáo: 10.000đ/cháu/ngày x số ngày thực học

- Dự thu:

Học sinh nhà trẻ: 81 cháu x 10.000đ x 22 ngày x 4 tháng = 71.280.000đ

Học sinh mẫu giáo: 452 cháu x 10.000đ x 22 ngày x 4 tháng = 397.760.000đ

- **Tổng số dự kiến thu năm 2025: 1.055.340.000 đồng**

3.1.4. Thu tiền Hỗ trợ người nấu ăn, phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý vệ sinh bán trú (thu theo tháng thực học, không thu trẻ thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo)

- **Học kỳ II năm học 2024-2025:**

+ Số học sinh: 530

- Mức thu: 65.000đ/ cháu/ tháng

- Dự thu: 530 cháu x 65.000đ x 5 tháng = 172.250.000đ

- **Học kỳ I năm học 2025-2026:**

+ Số học sinh: 530

- Mức thu: 65.000đ/ cháu/ tháng

- Dự thu: 530 cháu x 65.000đ x 4 tháng = 137.800.000đ

- **Tổng số dự kiến thu năm 2025: 310.050.000 đồng**

3.1.5. Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non ngày thứ 7 (thu theo tháng thực học)

- **Học kỳ II năm học 2024-2025:**

+ Số học sinh: 200

Mức thu: Học sinh nhà trẻ: 35.000đ/ cháu/ ngày

- Dự thu: 200 cháu x 35.000đ x 4 ngày x 5 tháng = 140.000.000đ

- **Học kỳ I năm học 2025-2026:**

+ Số học sinh: 200

Mức thu: Học sinh nhà trẻ: 30.000đ/ cháu/ ngày

- Dự thu: 200 cháu x 30.000đ x 4 ngày x 4 tháng = 112.000.000đ

Tổng dự kiến năm 2025 : 252.000.000 đ

3.1.6. Học tiếng anh.

Thu 20 000 đ/trẻ 1 ngày thu theo số học sinh đang ký đi học thực tế

Học kỳ II năm học 2024-2025:

+ Số học sinh: 160

Mức thu: Học sinh mẫu giáo: 20.000đ/cháu/ngày

- Dự thu:

Mẫu giáo 160 cháu x 20.000đ x 8 ngày x 5 tháng = 128.000.000đ

- **Học kỳ I năm học 2025-2026:**

+ Số học sinh: 160

- Mức thu: Học sinh mẫu giáo: 20.000đ/cháu/ngày

- Dự thu: Mẫu giáo 160 cháu x 20.000đ x 8 ngày x 4 tháng = 102.400.000đ

Tổng dự kiến năm 2025 : 230.400.000 đ

- **Tổng số dự kiến các khoản thu dịch vụ năm 2025: 4.799.026.000 đồng**

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ

A-CHI NGÂN SÁCH

Nguồn Ngân sách nhà nước được UBND huyện cấp phân bổ đầu năm, thực hiện bổ sung, điều chỉnh trong năm. Đơn vị thực hiện chi theo định mức mỗi tháng chi không vượt quá 1/12 dự toán ngân sách cấp trong năm. Định mức này áp dụng để quản lý và kiểm soát chi đối với cả kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản theo lương và kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Điều 6: Chi thanh toán cá nhân

1. Chi tiền lương (Mục 6000)

Tiền lương, tiền công cán bộ giáo viên, nhân viên hợp đồng lao động được hưởng theo tiền lương ngạch bậc do nhà nước quy định = hệ số lương x mức lương tối thiểu x 89,5%.

2. Chi các khoản phụ cấp (Mục 6100)

a. Phụ cấp chức vụ: Thực hiện theo Thông tư số 33/2005/TT-BGDĐT ngày 08/02/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Hiệu trưởng hệ số: 0,5
- Phó hiệu trưởng hệ số: 0,35
- Tổ trưởng hệ số: 0,20
- Tổ phó hệ số: 0,15

b. Phụ cấp trách nhiệm:

- Phụ cấp trách nhiệm kế toán hệ số: 0,10

c. Phụ cấp thêm giờ:

- Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên chỉ được tính thêm giờ kiêm nhiệm không quá 2 chức vụ, số giờ làm thêm không quá 200 giờ/năm.

- **Thanh toán tiền làm thêm giờ đối với bộ phận hành chính của đơn vị và Thanh toán tiền dạy vượt giờ của giáo viên thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, không thường xuyên do Thủ trưởng phân công:** Làm thêm giờ trong ngày thường, ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ, tết được thanh toán quy định hiện hành của nhà nước (số theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 5/01/2005).

- Thanh toán tiền dạy vượt giờ của giáo viên:

+ Chi thanh toán tiền lương dạy thêm giờ ở đơn vị hoặc bộ môn thiếu số lượng nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đơn vị hoặc bộ môn không thiếu nhà giáo thì chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ khi có nhà giáo nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đi học tập, bồi dưỡng, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra và tham gia những công việc khác (sau đây gọi chung là đi làm nhiệm vụ khác) do cấp có thẩm quyền phân công, điều động phải bố trí nhà giáo khác dạy thay.

+ Chi thanh toán tiền lương dạy thêm giờ cho đối tượng giáo viên biên chế, hợp đồng do UBND huyện ra Thông báo ký kết. Không thanh toán cho giáo viên hợp đồng trường.

+ Tổng số giờ dạy vượt định mức: Không vượt quá 200 giờ/năm, tức là đối với Khối Mầm non: Do tính theo giờ dạy nên không vượt quá 200 giờ/năm.

+ Đơn giá giờ dạy dạy: Theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo- Bộ Nội vụ- Bộ Tài Chính về Hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

Tiền lương của một tháng làm căn cứ tính trả tiền lương dạy thêm giờ của nhà giáo, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng, các khoản phụ cấp lương và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = số giờ dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 giờ dạy thêm;

Tiền lương 01 giờ dạy thêm = Tiền lương 01 giờ dạy x 150%;

Tiền lương 01 giờ dạy:

Đối với giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp và giáo viên, giảng viên cơ sở dạy nghề:

$$\text{Tiền lương 1 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức giờ dạy/năm}} \times \frac{\text{Số tuần dành cho giảng dạy (đầy trẻ)}}{52 \text{ tuần}}$$

Đây là căn cứ để thanh toán tiền dạy thêm giờ, giờ dạy dạy thêm do giáo viên nghỉ ốm đau, thai sản, thiếu giáo viên, dạy thay, dạy treo.

Giáo viên kiêm nhiệm: Theo Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non và Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Giáo viên kiêm nhiệm Trưởng ban thanh tra nhân dân được tính 2 giờ dạy/tuần.

- Con nhỏ dưới 12 tháng được giảm 4 giờ dạy/tuần.

- Giáo viên kiêm nhiệm thủ quỹ được giảm 12-15 giờ dạy/tuần.

- Giáo viên kiêm làm thư ký hội đồng trường được giảm 2 giờ dạy/tuần.

- Ngoài ra giáo viên dạy thay cho giáo viên đi học, đi công tác, nghỉ ốm đau, thai sản được Ban giám hiệu phân công thì được tính thêm giờ theo thực tế giờ dạy dạy.

d. Phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 hướng dẫn về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập”.

Người được hưởng phụ cấp ưu đãi là cán bộ quản lý, giáo viên đang trực tiếp giảng dạy.

Định mức được hưởng PC ưu đãi được tính bằng công thức sau:

$(\text{Hệ số lương ngạch bậc} + \text{PCTNVK} + \text{PCCV}) \times 35\% \times \text{mức lương cơ sở}$

- Những trường hợp sau đây không được hưởng phụ cấp ưu đãi:

- + Giáo viên đi học dài hạn, công tác trong và ngoài nước trên 3 tháng.
- + Giáo viên nghỉ ốm, nghỉ thai sản vượt quá quy định bộ luật lao động thì không được hưởng phụ cấp ưu đãi trong thời gian nghỉ vượt quy định.
- + Nghỉ việc riêng 01 tháng liên tục trở lên không tham gia giảng dạy không được hưởng phụ cấp ưu đãi.
- + Giáo viên bị đình chỉ giảng dạy, trong thời gian bị đình chỉ không được hưởng phụ cấp ưu đãi.

e. Phụ cấp thâm niên đối với giáo viên

Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ Quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo. Phụ cấp thâm niên nhà giáo được hưởng theo hệ số đã được phòng nội vụ xét duyệt và được tính bằng công thức sau:

$(\text{Hệ số lương ngạch bậc} + \text{Phụ cấp thâm niên vượt khung} + \text{Phụ cấp chức vụ}) \times \% \text{ năm thâm niên được hưởng} \times \text{mức lương cơ sở}$.

f. Nghỉ phép hàng năm (theo điều 111 của Bộ luật lao động)

Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên là 02 tháng (bao gồm cả nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ Luật lao động), được hưởng nguyên lương và các phụ cấp (nếu có).

3. Chi tiền thưởng (Mục 6200)

Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo kết quả công tác và thành tích đóng góp được thực hiện theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục được thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục.

- Thường xuyên, thường đột xuất, thường khác: Các khoản chi thường đều được ghi vào Nghị quyết của nhà trường từ đầu năm học trong các cuộc họp hội đồng nhà trường, sau đó Hiệu trưởng ra quyết định mức chi thường. Quy định đối với các nhân có cùng nhiều hình thức khen thưởng như sau.

+ Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

+ Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

+ Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích; một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

+ Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

+ Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Cụ thể :

Đối với khen thưởng thường xuyên: cuối năm học căn cứ đánh giá xếp loại thi đua hàng năm

+ Đối với khen thưởng lao động tiên tiến mức chi khen thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

+ Đối với khen thưởng chiến sĩ thi đua cơ sở mức chi khen thưởng 01 lần mức lương cơ sở.

Đối với nội dung khen thưởng khác, đột xuất: Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị Hiệu trưởng ra quyết định khen thưởng đối với các giáo viên, nhân viên nhà trường, học sinh... có thành tích cao trong công tác giảng dạy và học tập. Mức chi khen thưởng cá nhân không quá 0,3 lần mức lương cơ sở, khen thưởng tập thể không quá 02 lần khen thưởng cá nhân.

a. Thương cho Giáo viên

*Thương cho mỗi cán bộ giáo viên, công nhân viên đạt danh hiệu qua các đợt phát động phong trào thi đua:

Hội thi	Tốt	Khá	Đạt
Thi đua xếp loại học kỳ I	150.000 đồng	100.000 đồng	80 000 đồng
Thi đua xếp loại cả năm	200.000 đồng	150.000 đồng	100 000 đồng
Hội thi thiết kế đồ dùng, đồ chơi sáng tạo	200.000 đồng	150.000 đồng	80 000 đồng
Đạt GV giỏi cấp trường	150.000 đồng		

Thi tạo môi trường trong và ngoài nhóm lớp	200.000 đồng	100.000 đồng	80 000 đồng
Đạt GV giỏi cấp huyện	200.000 đồng		
Các hội thi khác do trường, cấp trên phát động	150.000 đồng	100.000 đồng	80 000 đồng

* Thương các danh hiệu thi đua: Thực hiện theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 của chính phủ về việc quy định chi giờ dạy thi hành một số điều của luật thi đua khen thưởng:

Xếp loại	Thành phố	Huyện	Trường
Giáo viên có sáng kiến	Đạt: 300.000 đồng	Đạt: 200.000 đồng	
Giáo viên đi thi GVĐG	300.000 đồng	150.000 đồng	
Thi đồ dùng, đồ chơi sáng tạo	Cấp huyện: 200.000đ ; Thành phố: 300.000 đồng; Quốc gia: 450.000 đồng		

Khen thưởng học sinh cuối năm học.

- HS hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện, thưởng trị giá 100.000đ (01 giấy khen + vở, đồ dùng học tập hộp bút, bút chì, tẩy).

- HS hoàn thành tốt các nội dung học tập và rèn luyện hoặc HS có tiến bộ vượt trội, vượt bậc về ít nhất một môn học hoặc ít nhất một năng lực, phẩm chất, thưởng trị giá 60.000đ (01 giấy khen + vở, đồ dùng học tập, chậu nhựa, khăn mặt, bóng,...)

Khen thưởng các tập thể lớp cuối năm học:

- Tập thể lớp được bình chọn tiên tiến xuất sắc, thưởng: Mức thưởng tối đa 200.000đ/lớp.

- Tập thể lớp được bình chọn tiên tiến, thưởng: Mức thưởng tối đa 150.000đ/lớp.

Chi thưởng giáo viên đạt thành tích cao trong công tác.

- Giáo viên dạy giỏi cấp TP: 300.000đ/người

- Giáo viên dạy giỏi huyện: 200.000đ/người

4. Mục 6250: Phúc lợi tập thể.

Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của viên chức, người lao động; trợ cấp khó khăn đột xuất cho viên chức, người lao động, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tình gián biên chế;

+ Chi hỗ trợ cán bộ công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên nhà trường nhân dịp các ngày lễ Tết như: Tết nguyên đán, Tết dương lịch chi ngày 20/11; 8/3; 20/10; ngày 10/3; ngày 30/4 và 01/5; 02/9; khai giảng năm học ... ; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế: Mức chi tối đa không quá 2.000.000đ/người (nếu có).

+ Chi tiền chè 2 kg/tháng theo giá thị trường theo thời điểm

+ Chi tiền nước uống tinh khiết 12 bình/tháng theo giá cả thị trường theo thời điểm.

+ Chi trực tết dương lịch, trực Tết Nguyên Đán, trực các ngày nghỉ lễ, trực bão, tính theo ca trực : 100.000đ/ca trực, trực đêm được tính theo giờ: 50.000 đồng/1 giờ.

+ Chi hỗ trợ kỷ niệm các ngày lễ lớn, khai giảng năm học, Tết dương lịch, ngày 20/10, ngày 8/3, ngày 20/11 Tết dương lịch, Tết nguyên đán, ngày 10/3 (âm lịch), ngày 30/4, 01/5, ngày 02/9...Mức chi tối đa không quá 2.000.000đ/người (nếu có kinh phí)

+ Chi hỗ trợ CBGVNV đi tham quan, học tập thực tế mức chi tối đa không quá 2.000.000đ/người (nếu có kinh phí)

+ Chi hỗ trợ may đồng phục mùa hè, mùa đông cho CBGVNV mức chi tối đa không quá 2.000.000đ/ người (nếu có kinh phí).

+ Chi hỗ trợ đồng phục bảo vệ gồm: 01 bộ mùa hè, 01 áo mùa đông: Mức chi tối đa 1.000.000 đồng/ người/ năm.

+ Chi mua giường, chiếu, chăn, ga... phòng bảo vệ.

- Chi hỗ trợ 01/6, trung thu cho con CBCNV dưới 16 tuổi (chi theo tiêu chuẩn các cháu theo từng cán bộ giáo viên nhân viên) tối đa không quá 50.000 đồng/cháu.

- Trợ cấp khó khăn đột xuất cho CBGVNV tối đa không quá 2.000.000 đ/người/năm.

- Thăm hỏi cán bộ, giáo viên, nhân viên nghỉ hưu ngày 20/11 tối đa không quá 500.000đ/người.

- Thăm hỏi CBGVNV ốm điều trị dài ngày; Phúng viếng tứ thân phụ mẫu, vợ hoặc chồng, con của CBGVNV (chi theo từng cá nhân CBVCNLD) tối đa không quá 1.000.000đ/trường hợp.

- Phúng viếng bản thân CBVCNLD tối đa không quá 2.000.000đ/người

Nguồn kinh phí chi trả: Quỹ ngân sách, học phí và các nguồn khác.

5. Các khoản đóng góp (Mục 6300)

- Từ ngày 01/06/2017 tỷ lệ người lao động đóng BHXH là 8%, BHYT là 1.5% và BHTN là 1% mức tiền công và tiền lương tháng. Trong đó người sử dụng lao động đóng 17.5% BHXH; 3% BHYT; 1% BH thất nghiệp;

- Tỷ lệ KPCĐ người sử dụng lao động đóng: 2% kinh phí Công đoàn.

- Các khoản đóng góp trên theo mức lương và phụ cấp chức vụ của từng lao động biên chế và hợp đồng trong quỹ lương hưởng hàng tháng.

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí, học thêm và các nguồn kinh phí khác.

6. Chi các khoản thanh toán cá nhân khác (mục: 6400)

Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được xác định là kinh phí chi thường xuyên giờ dạy kiêm được. Căn cứ vào mức chênh lệch thu lớn hơn chi nhà trường Bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động: Chi thu nhập bình quân tăng thêm cho viên chức, người lao động tối đa không quá 0,3 lần quỹ tiền lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người, không thực hiện cào bằng.

- Để đảm bảo công bằng trong phân phối nguồn thu giờ dạy kiêm, nhằm động viên kịp thời những cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc có hiệu quả, nhà trường sẽ xây dựng phương án khen thưởng đối với những cá nhân làm tốt nhiệm vụ được giao và thực hành giờ dạy kiêm tốt. Nhà trường sẽ tiến hành bình xét dựa vào kết quả xếp loại thi đua của cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng tháng, cuối năm học và ý thức giờ dạy kiêm, sử dụng tài sản hiệu quả trong công tác, xếp thành 4 loại: A, B, C, D hoặc tính theo số điểm thi đua trong năm của từng người.

*** Công thức tính thu nhập tăng thêm như sau:**

Hệ số cá nhân=(Hệ số lương + Hệ số chức vụ) x Hệ số kết quả thi đua cả năm (A,B,C)

(Với quy định: A: Hệ số 2; B: Hệ số 1,5; C; hệ số 1,0)

Thu nhập tăng thêm cá nhân =(Tổng kinh phí giờ dạy kiêm: Tổng hệ số xếp loại theo tiêu chuẩn) x Hệ số xếp loại cá nhân.

Điều 7: Quy định về các khoản chi quản lý hành chính

1. Thanh toán dịch vụ công cộng (Mục 6500)

Sử dụng điện, nước, nhiên liệu trên nguyên tắc giờ dạy kiêm theo Thông tư liên tịch 111/2009/TTLT/BTC-BCT thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ Tài chính - Bộ Công thương ban hành: Đối với công sở, trường học, xưởng thực tập phải tắt các các thiết bị dùng điện không cần thiết khi đi ra khỏi phòng làm việc, cắt nguồn điện khi không sử dụng các thiết bị, tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên, tắt bớt đèn chiếu sáng khi số người trong phòng giảm, chỉ sử dụng điều hoà khi thật cần thiết và chỉ để ở chế độ làm mát.

- Chi tiền điện thấp sáng, nước sạch, than, gas, phí thu gom và xử lý rác thải: Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh hàng tháng trên cơ sở giờ dạy kiểm, hiệu quả.

- Chi vệ sinh môi trường bao gồm phí xử lý rác thải, phun thuốc muỗi, thuốc mối, men xử lý vệ sinh môi trường: Mỗi năm thực hiện 02-04 đợt, kinh phí theo thực tế phát sinh trên cơ sở giờ dạy kiểm, hiệu quả.

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí, học thêm và các nguồn kinh phí khác.

2. Chi vật tư văn phòng (Mục 6550)

- Bộ phận hành chính: Mua dụng cụ văn phòng, sổ sách, bút, giấy, cặp ghim, dập dập to, Micro, màn hình, âm điện, đồng hồ, điện thoại, đèn, quạt, ổ áp lưu điện, máy tính cá nhân, cặp công tác, kính bàn, ly, khoá cửa, cốc lọ hoa, xô, chậu, chần chiếu, màn gối, giấy vệ sinh, vìm tẩy, nước lau sàn nhà, pin, cờ chuỗi, cờ đại, cờ dây, bóng điện, nồi, chậu, xô, bát đĩa, cốc chén.....

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí, học thêm và các nguồn kinh phí khác.

3. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc (Mục 6600)

- Cuộc điện thoại trong nước: 300.000 đồng/tháng/máy (theo 17/VBHN-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2014 Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội)

* *Cước phí bưu chính*: Gồm Bì thư, tem công văn: Được chi trả theo thực tế sử dụng.

* *Sách báo, tạp chí thư viện*:

Về sách, tạp chí: Chi đặt mua theo thực tế trên cơ sở có chọn lọc, thiết thực, phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên, của hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường. Hiệu trưởng quyết định mua và duyệt chi.

Mức chi: Mỗi quý đặt chi theo giá báo hiện hành của Bưu điện.

* *Cước phí truy cập mạng Internet, thư viện điện tử*:

Định mức chi: Thuê bao trọn gói mức tiền theo theo giá của bưu chính theo giá do Hiệu trưởng quyết định.

* *Website*: Tiếp tục duy trì và quản lý trang web của trường. Thuê tên miền, hosting hàng năm; cài tiến giao diện theo nhu cầu sử dụng, nâng cấp web... tùy theo yêu cầu thực tế, Hiệu trưởng quyết định và duyệt chi theo hợp đồng ký kết.

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí.

4. Chi Hội nghị phí (Mục 6650)

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Tiền nước cho đại biểu: 20.000 đồng/người/1 buổi (nửa ngày): Thanh toán theo hóa đơn.

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước cấp, mức chi hỗ trợ tiền ăn là: 120.000 đồng/ngày/đại biểu

- Chi trang trí khánh giờ dạy, hoa tươi phục vụ hội nghị: Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh.

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí, học thêm

5. Chi tiếp khách:

Tiếp khách theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2018; nghị quyết 12/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại hải phòng; chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Hải Phòng và chế độ tiếp khách trong nước.

- Chi giải khát: Mức chi tối đa 30.000đồng/buổi (nửa ngày)/người.

- Chi mời cơm: Chi mời cơm: tùy theo khả năng ngân sách, căn cứ vào lịch làm việc của đoàn công tác, tổ chức, cá nhân đơn vị đến cơ quan làm việc mà thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi cho hiệu quả, giờ dạy kiểm, đảm bảo Mức chi tối đa 300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống).

Đối tượng mời cơm:

+ Đoàn cán bộ lão thành cách mạng, đoàn bà mẹ Việt nam anh hùng, Đoàn khách là bà con dân tộc ít người, Đoàn khách là già làng trưởng bản.

+ Đoàn công tác của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

+ Đoàn công tác của các đồng chí lãnh đạo các Bộ, Ngành, đoàn thể TỰ.

+ Đoàn công tác của các đồng chí lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

+ Đoàn công tác của các đồng chí lãnh đạo cấp sở hoặc tương đương thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc TỰ.

+ Các tổ chức, đơn vị, cá nhân đến làm việc, đơn vị căn cứ vào khả năng ngân sách với nguyên tắc: Hiệu quả, giờ dạy kiểm và thật cần thiết.

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí và các nguồn kinh phí khác.

6. Chi công tác phí (Mục 6700)

Thực hiện theo thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính Thông tư quy định chế công tác phí, chế độ chi hội nghị

6.1. Thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác

- Theo thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017: Đối với cán bộ, công chức viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10km trở lên (đối với các xã có địa bàn kinh tế khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán phương tiện tự túc bằng 0.2lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác.

+ Đối với khoảng cách trên 15km: 0.2 lít xăng/km tại thời điểm đi công tác

6.2. Phụ cấp lưu trú

1. Phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác).

Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác tối đa không quá: 200.000 đồng/ngày.

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú tối đa 250.000 đồng/ người/ ngày thực tế đi biển đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo).

Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày) thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác không quá 100.000đ/ ngày.

6.3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

1. Nguyên tắc thanh toán tiền thuê phòng nghỉ nơi đến công tác:

a) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cơ quan, đơn vị cử đi công tác khi phát sinh việc thuê phòng nghỉ nơi đến công tác thì được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo một trong hai hình thức: Thanh toán theo hình thức khoán hoặc thanh toán theo hóa đơn thực tế;

b) Trường hợp người đi công tác được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền, thì người đi công tác không được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ. Trường hợp phát hiện người đi công tác đã được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền nhưng vẫn đề nghị cơ quan, đơn vị cử đi công tác thanh toán tiền thuê phòng nghỉ, thì người đi công tác phải nộp lại số tiền đã được thanh toán cho cơ quan, đơn vị đồng thời phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Thanh toán theo hình thức khoán:

- Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh, mức khoán: 250.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh, mức khoán: 150.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại các vùng còn lại, mức khoán: 100.000 đồng/ngày/người.

3. Thanh toán theo hoá đơn thực tế:

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản 2 Điều này thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

a Đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh:

- Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

c) Đi công tác tại các vùng còn lại:

- Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 150.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

d) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới, thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng);

đ) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn 1 người/phòng, thì người đi công tác được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 2 người/phòng;

e) Các mức chi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại khoản này là mức chi đã bao gồm các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoản tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.

6.4. Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

Nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đạt hiệu quả, giờ dạy kiệm thời gian, khoán công tác phí cho CB-NV thường xuyên đi công tác trên 10 ngày/tháng, mức khoán cụ thể:

- Hiệu trưởng: 500.000 đồng /tháng
- Phó hiệu trưởng : 300.000 đồng /tháng
- Kế toán: 500.000 đồng /tháng
- Thủ quỹ: 200.000 đồng /tháng

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí, học thêm và các nguồn kinh phí khác.

7. Chi thanh toán đào tạo bồi dưỡng cán bộ

Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn quyết toán kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sử dụng nguồn đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Nếu Cán bộ, công chức, viên chức tập huấn đào tạo CMNV từ 2 ngày trở lên trong một đợt đi công tác cũng chi được tính tiền xe tự túc phương tiện 1 lượt đi và về.

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí, học thêm và các nguồn kinh phí khác.

8. Chi phí thuê mướn (Mục 6750)

Bao gồm thuê mướn làm vệ sinh môi trường, vận chuyển tài sản, trang thiết bị thanh toán theo nhu cầu thực tế, nhưng phải thật sự cần thiết.

- Thuê lao động bảo vệ, quét dọn, nấu nước văn phòng, dọn vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, dọn nhà vệ sinh, ...: Mức chi tối đa 5.500.000 đ/tháng: Thanh toán theo hợp đồng và biên bản nghiệm thu thực tế phát sinh.

- Chi cắt tỉa cây cảnh, nạo vét hố ga, một số công việc khác theo thực tế công việc chi trả tiền công nhật theo ngày làm việc: Mức chi tối đa 500.000 đồng/ngày: Thanh toán theo hợp đồng và biên bản nghiệm thu thực tế phát sinh.

- Chi thuê bạt các ngày khai giảng, trung thu, ngày 20/11, ngày Tết, ngày tổng kết năm học...: Tùy theo tình hình thực tế mức thuê tính theo giá thị trường;

Và một số công việc khác theo thực tế công việc chi trả tiền công nhật theo ngày làm việc hoặc theo giá tại thời điểm....

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí, học thêm và các nguồn kinh phí khác.

Điều 8: Chi mua sắm, sửa chữa tài sản

1. Chi sửa chữa tài sản (Mục 6900)

Nhằm bảo quản, sử dụng tài sản có hiệu quả mỗi cán bộ, giáo viên phải có tinh thần trách nhiệm không để tài sản hư hỏng, mất mát do chủ quan, khi phát hiện tài sản có hiện tượng hư hỏng xuống cấp phải báo ngay cho hiệu trưởng để kịp thời xử lý.

Nội dung sửa chữa thường xuyên chi theo thực tế phát sinh bao gồm cơ sở hạ tầng, phòng học, máy móc thiết bị phục vụ cho quản lý hành chính và giảng dạy, các công trình phụ khác của trường, khi có yêu cầu sửa chữa, phải có giấy báo hỏng và đề nghị sửa chữa của bộ phận, cá nhân được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị; trình hiệu trưởng xem xét quyết định.

- Chi sửa chữa máy móc như: máy vi tính, máy in, ti vi, máy chiếu, đầu đài, âm ly,

- Sửa chữa, thay thế hệ thống đường điện, đường nước...

- Sửa chữa bàn ghế học sinh, bàn ghế văn phòng.

- Sửa chữa tường bao, cổng trường, sân trường, nhà xe giáo viên, nhà vệ sinh, bồn cây.

- Gắn vá, sửa chữa nhỏ phòng học, phòng chức năng...

2. Chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn (Mục 6950)

Chi mua tài sản và thiết bị chuyên dụng, tài sản và thiết bị văn phòng, thiết bị công nghệ thông tin, tài sản và thiết bị khác.

Chi mua sắm tài sản khi có nhu cầu thật cần thiết với tinh thần giờ dạy kiệm. Khi mua sắm tài sản có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên cho một tài sản hoặc các trang thiết bị có số lượng nhiều mà tổng giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên phải được có Chứng thư thẩm định giá; Trường hợp tài sản dưới 10.000.000 đồng nhưng có giá trị sử dụng từ 01 năm trở lên cũng phải được coi như tài sản cố định.

Kế hoạch sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học năm 2024:

STT	Nội dung	Số lượng	Số tiền
1	Mua tủ sấy bát	01	Từ 10.000.000 đến 15.000.000 đ
2	Mua sơn các màu (sơn tạo môi trường các khu vực hoạt động vui chơi cho trẻ), tu sửa hệ thống đồ chơi ngoài trời		Từ 30.000.000 đến 50.000.000đ
3	Mua quạt, thay thế bóng tip các phòng học và phòng chức năng, bếp ăn, sửa chữa đường điện, nước, hệ thống quạt...vv		Từ 30 000 000 đến 60 000 0000đ
4	Sửa chữa các thiết bị tin học: Máy tính, máy in, nối dây mạng phòng máy tính...		30.000 000đ đến 50 000 000đ
7	Mua loa kéo tập yoga phòng năng khiếu 2	01	4 000 000đ đến 6 000 000đ
8	Sửa chữa bàn ghế học sinh, đồ dùng, chơi		15 000 000đ đến 20 000 000đ
9	Làm gác sếp sàn tôn sắt 20 phòng học		70 000 000đ đến 80 000 000đ
10	Mua ti vi bếp ăn 55 inch	01	10 000 000đ đến 12 000 000đ
11	Mua bình nóng lạnh ,sửa chữa , sửa chữa bồn vệ sinh nhà trẻ, nắp tay vin cầu thang		50 000 000đ đến 80 000 000đ

STT	Nội dung	Số lượng	Số tiền
12	Làm mái bạt di động sân khấu		30 000 000đ đến 50 000 000đ
13	Làm khu vườn cổ tích đắp gốc cây, cao thấp		10 000 000đ đến 15 000 000đ
16	Làm các bảng biểu phục vụ công tác giáo dục, nuôi dưỡng		10 000 000đ đến 30 000 000đ
17	Lắp điều hòa cho các lớp	10 cái	80 000 000đ đến 100 000 000đ
18	Phun thuốc muỗi, bột thông cống		20 000 000 đ đến 50 000 000
19	Diệt mối		20 000 000 đến 35 000 000 đ
20	Tủ đựng tài liệu đồ dùng học liệu cho các lớp		130 000 000 đ đến 160 000 000 đ
21	Mua đồ dùng, nguyên vật liệu, đồ chơi cho các lớp nhóm lớp		30 000 000 đ đến 60 000 000 đ
22	Mua đồ chơi sân nhún và thú lò so ngoài trời		50 000 000 đ đến 80 000 000 đ
23	Mua cây nước nóng lạnh	4 cái	20 000 000 đ đến 30 000 000 đ
24	Téc nước		10 000 000đ đến 15 000 000đ
25	Mua giá vẽ tranh cho trẻ		3 000 000đ đến 5 000 000đ

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí và các nguồn kinh phí khác.

Điều 9: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (Mục 7000)

- Chi mua hàng hoá vật tư dùng cho chuyên môn, phục vụ cho việc giảng dạy chi theo thực tế phát sinh.

- Chi thuê hợp đồng lao động thời vụ dạy thay giáo viên nghỉ ốm đau, thai sản của những bộ môn thiếu giáo viên (nếu có).

- Chi in ấn, phô tô tài liệu: ấn chỉ chi theo thực tế sử dụng.

- Mua hàng hóa vật tư: Văn phòng phẩm cho giáo viên.

- Mua sách, tài liệu dùng cho chuyên môn theo thực tế phát sinh.

- Chi cho các hội thảo, chuyên đề, giáo viên giỏi, thanh tra

- Chi cho các hoạt động ngoại khóa: Hội khỏe Phù Đổng, phòng chống ma túy học đường; trung thu....:

- + Thuê quần áo, trang phục: Mức chi tối đa 2.000.000đ/1 hoạt động.
 - + Thuê bạt dù: Mức chi tối đa 10.000.000đ/1 hoạt động
 - + Văn nghệ: Mức chi tối đa 50.000đ/1 người
 - + Chụp ảnh: Tối đa 10 kiểu/1 hoạt động
 - + Băng zôn, khẩu hiệu: Mức chi tối đa 2.500.000đ/1 hoạt động
 - + Chi phí phát sinh: Tuỳ theo từng hoạt động có phát sinh cụ thể.
 - Chi sách báo, tạp chí, hàng hóa vật tư, đồ dùng dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy khi có nhu cầu phát sinh của bộ phận chuyên môn đề xuất hiệu trưởng quyết định.
 - Chi mua hồ sơ chuyên môn cho CBGV-NV (theo quy định các mục lục số CM của Sở GD-ĐT, PGD-ĐT).
 - Trang trí lớp
 - Chi các hội thảo giáo dục giáo dục giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, phòng chống đuối nước, phòng chống tai nạn thương tích, tìm hiểu pháp luật.
 - In phun bạt, khẩu hiệu băng zôn phục vụ khai giảng, lễ Tết, chuyên đề, sơ kết, tổng kết năm học....
 - Mua giấy rô ky, hộp màu vẽ, bút lông phục vụ học sinh thi môn mỹ thuật
 - Chi nộp lệ phí thi giáo viên dạy giỏi các cấp.
 - * Mua bảo hộ, đồng phục cho giáo viên nhân viên 02 bộ mùa hè và mùa đông
- Mức chi tối đa 2.000.000đ/ người.

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí, học thêm và các nguồn kinh phí khác.

Điều 10: Chi khác (Mục 7750)

- Chi chuyển lệ phí chi lương, các loại phí khác phát sinh theo nhu cầu thực tế sử dụng.
- + Chi hỗ trợ chi bộ và các đoàn thể trong đơn vị: tùy thuộc vào nguồn KP tại đơn vị.
- Chi phí phát sinh: tùy theo từng hoạt động có phát sinh cụ thể.
- Chi khác.

Nguồn kinh phí chi trả : Ngân sách, quỹ học phí, học thêm và các nguồn kinh phí khác.

B-CHI NGUỒN KHÁC

Điều 11: Chi học phí

Dự kiến thu năm 2024: **437 250 000** đồng.

Dự kiến chi: **437 250.000** đồng

Nộp ngân sách nhà nước để thực hiện chi cải cách tiền lương, chi lương và các khoản trích theo lương và các khoản chi hoạt động khác của trường.

- Chi tăng cường cơ sở vật chất cho đơn vị như: mua sắm tài liệu, thiết bị trường học, đồ dùng dạy học, sửa chữa và xây dựng nhỏ.

- Bổ sung kinh phí cho hoạt động như: dạy thêm giờ, dạy thay, dạy treo và các hoạt động khác; khen thưởng tại trường.

- Chi mua hàng hoá vật tư dùng cho chuyên môn, phục vụ cho việc giảng dạy chi theo thực tế phát sinh.

- Mua sách, tài liệu dùng cho chuyên môn theo thực tế phát sinh.

- Chi cho các hoạt động ngoại khóa: Ngày hội những chiến sĩ tí hon, Hội thi Bé khoẻ, bé ngoan; trung thu....:

+ Thuê quần áo, trang phục: Mức chi tối đa 2.000.000đ/1 hoạt động.

+ Thuê phong bật, loa máy: Mức chi tối đa 7.000.000đ/1 hoạt động

+ Văn nghệ: Mức chi tối đa 50.000đ/1 người

+ Thuê nhạc công: Mức chi tối đa 3.000.000đ/1 hoạt động

+ Chụp ảnh: Tối đa 10 kiểu/1 hoạt động

+ Băng zôn, khẩu hiệu: Mức chi tối đa 2.000.000đ/1 hoạt động

+ Chi phí phát sinh: Tuỳ theo từng hoạt động có phát sinh cụ thể.

* Mua bảo hộ cho giáo viên nhân viên 02 bộ mua hè và mùa đông mức chi tối đa 2.000.000đ/ người(nếu có).

Điều 12: Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

12.1. Chi tiền phục vụ bán trú (tiền ăn và chất đốt)

+ **Chi tiền ăn bữa chính:** 22.000đ/trẻ/ngày (chi mua thực phẩm trực tiếp bữa ăn cho trẻ căn cứ theo sổ ngày thực ăn của trẻ)

- **Tổng số dự kiến chi năm 2025: 2.321.748.000 đồng**

+ **Chi tiền ăn sáng :** 10 000 đ/trẻ/ ngày (chi mua thực phẩm trực tiếp bữa ăn cho trẻ căn cứ theo sổ ngày thực ăn của trẻ)

- **Tổng số dự kiến chi năm 2025: 297.000.000 đồng**

+**Chi tiền chất đốt thu đủ bù chi (thu theo số ngày học thực tế)**

- **Tổng số dự kiến chi năm 2025: 210.068.000 đồng**

12.2. Khoản thu phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh

Chi mua đồ dùng ăn ngủ như chăn, chiếu, đệm, nôi, xô, chậu, bát, thìa, đĩa, giao, thớt, khay ăn..phục vụ công tác bán trú.

Chi mua đồ dùng vệ sinh phục vụ công tác chăm sóc vệ sinh cho trẻ như xà phòng, giấy vệ sinh, chổi, dẻ, vim, nước lau sàn....

- **Tổng số dự kiến chi năm 2025: 122.420.000 đồng**

12.3. Thu tiền quản lý học sinh ngoài giờ hành chính trẻ buổi trưa (thu theo số ngày thực tế đi học)

- **Tổng số dự kiến chi năm 2025: 1.055.340.000 đồng**

Trong đó : Chi trả cho giáo viên trông trưa trực tiếp 80%: 842.672.000 đ



- Chi công tác quản lý trông trưa trực tiếp: 18%: 189.601.200 đ (HT 6%, 2 PHT 8%, Kế toán 3%: Thù quỹ 1%)

- Chi thuế 2%: 21.066.800 đ

12.4. Thu tiền Hỗ trợ người nấu ăn, phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý vệ sinh bán trú (thu theo tháng thực học, không thu trẻ thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo)

- **Tổng số dự kiến chi năm 2025: 310.050.000 đồng**

Trong đó - Chi trả cho người nấu ăn trực tiếp 80%: 248.040.000đ

- Chi công tác quản lý trông trưa trực tiếp: 18%: 55.809.000 đ (HT 6%, 2 PHT 8%, Kế toán 3%: Thù quỹ 1%)

- Chi thuế 2%: 6.201.000 đ

12.5. Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non Ngày thứ 7 (thu theo tháng thực học)

Tổng dự chi năm 2025 : 252.000.000 đ

Trong đó: Chi trả cho giáo viên trông trưa trực tiếp 80%: 201.600.000 đ

Chi công tác quản lý trông trưa trực tiếp: 18%: 45.360.000 đ (HT 6%, 2 PHT 8%, Kế toán 3%: Thù quỹ 1%)

- Chi thuế 2%: 5.040.000 đ

12.6. Học tiếng anh.

Tổng dự chi năm 2025 : 230.400.000 đ trong đó:

+ 75% chi trực tiếp cho trung tâm tiếng anh : 172.800.000 đ

+ 10% chi cho giáo viên lớp học : 23.040.000 đ

+ 8% cho công tác quản lý: 18.432.000đ (HT 5%, HP phụ trách 3.5%, HP 3.5%, KT 2%, TQ 1%)

+ 5% chi khác và phúc lợi: 11.520.000 đ

+ 2% nộp thuế nhà nước : 4.608.000 đ

+ Chi Trợ cấp khó khăn đột xuất, hỗ trợ tiền khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: Hiệu trưởng ra quyết định dựa trên cơ sở tổ chức công đoàn đề nghị quyết định chi phù hợp với từng hoàn cảnh, đối tượng và phù hợp với điều kiện ngân sách của nhà trường.

+ Tiền nước uống cho cán bộ giáo viên nhân viên tùy theo điều kiện thực tế của đơn vị.

+ Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn, khai giảng năm học, Tết Nguyên đán, ngày nhà giáo Việt Nam (20/11), Mức chi tối đa 1.000.000 đồng/người.

+ Chi chuẩn bị cho các hoạt động ngoại khóa, khánh giờ dạy, khai giảng, trung thu, kỉ niệm ngày 20/11, Hội khỏe phù đồng, khám sức khỏe ...

+ Chi mua đồng phục, trang phục cho cán bộ, giáo viên, nhân viên Mức chi tối đa 2.000.000đ/người.

+ Chi hỗ trợ các hoạt động văn hoá, thể thao, văn nghệ, giáo dục tuyên truyền các hoạt động, pháp luật, chi tiền xe học sinh đi trải nghiệm....

+ Chi tiền hoá chất vệ sinh phòng dịch, tiền thuốc y tế, tiền khám bệnh định kì trong cơ quan.

+ Chi mua sắm trang thiết bị văn hóa, thể dục thể thao phục vụ, tổ chức phong trào cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

+ Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham quan học tập, giao lưu kết nghĩa học tập một năm Mức chi tối đa 30.000.000đ, thường khuyến khích con cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt học sinh giỏi, học sinh tiên tiến, thi đậu đại học hàng năm (mức chi tối đa 500.000đ/cháu).

+ Chi trợ cấp đột xuất cho cán bộ, giáo viên, nhân viên khi gặp khó khăn.

+ Tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện...

- **Tổng số dự kiến các khoản chi dịch vụ năm 2025: 4.799.026.000 đồng**

C - PHÂN PHỐI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH TRONG NĂM

Điều 13: Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định 60/2021/NĐ-CP, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được xác định là kinh phí chi thường xuyên giờ dạy kiêm được.

2. Đơn vị sử dụng số kinh phí chi thường xuyên giờ dạy kiêm được theo thứ tự như sau:

a) Bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động: Đơn vị chi thu nhập bình quân tăng thêm cho viên chức, người lao động tối đa không quá 0,3 lần quỹ tiền lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người;

b) Chi khen thưởng và phúc lợi: Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị theo kết quả công tác và thành tích đóng góp; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của viên chức, người lao động; trợ cấp khó khăn đột xuất cho viên chức, người lao động, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế;

c) Khi xét thấy khả năng giờ dạy kiêm kinh phí không ổn định, đơn vị có thể trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động.

Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

3. Thủ trưởng đơn vị quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

a. Chi Khen thưởng: Công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Giáo dục được thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định số Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục các nội dung chi được quy định tại khoản 3 Điều 6 quy chế này.

b. Chi phúc lợi: chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của viên chức, người lao động; trợ cấp khó khăn đột xuất cho viên chức, người lao động, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế các nội dung chi quy định tại khoản 4 điều 6 quy chế này.

Điều 14. Quản lý và sử dụng tài sản công

Thực hiện theo quy định tại Luật quản lý và sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của HĐND Thành phố Hải Phòng về việc Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố;

1. Quy định về quản lý sử dụng tài sản:

Các phòng ban, bộ môn được trang bị các loại máy móc phải được sử dụng đúng mục đích trên tinh thần giờ dạy kiệm, bảo quản tốt tài sản được giao, các máy khi hư hỏng phải báo hỏng cho bộ phận theo dõi tài sản và Ban giám hiệu để có kế hoạch sửa chữa hoặc thay thế và thanh toán theo thực tế.

- Tài sản bị mất do người quản lý và sử dụng thiếu trách nhiệm thì bị xử lý theo quy định của Nhà nước.

2. Quy định về mua sắm tài sản:

Việc mua sắm tài sản phải được thực hiện theo quy định của luật đấu thầu và các thông tư hướng dẫn, các văn bản quy định khác của Nhà nước về quy trình mua sắm tài sản trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Nhu cầu mua sắm tài sản phục vụ cho giảng dạy và học tập, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các bộ phận phải lập kế hoạch mua sắm và được lập vào dự toán hàng năm của đơn vị.

Việc trang bị tài sản mới cho đơn vị hay cá nhân phải căn cứ vào quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị.

Quy trình mua sắm trang thiết bị phải được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3. Quy định về thanh lý tài sản:

Là những tài sản dư thừa, hết hạn sử dụng, không có nhu cầu sử dụng, nhưng không thể điều chuyển cho bộ phận khác sử dụng, tài sản đã hư hỏng không thể sửa chữa được (trừ các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc).

Quy trình thủ tục thanh lý tài sản thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước, thành lập Hội đồng thanh lý tài sản để thực hiện.

Khi thanh lý tài sản phải báo cáo các cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 15. Xử lý vi phạm:

Các trường hợp không xét A, B, C; tháng, quý, năm:

- Cá nhân sử dụng thời gian lao động không đảm bảo theo quy định, không có hiệu quả thì không được bình xét thi đua khen thưởng.
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên có ngày, giờ công nghỉ tự do.
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm nội quy, quy chế của nhà trường nơi đang theo học (Có thông báo của nhà trường).
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên nghỉ thời gian quá dài so với quy định của nhà nước như: Nghỉ quá phép, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động...
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm nội quy, quy chế đề ra.
- Cá nhân vi phạm quy chế chuyên môn không được xét khen thưởng.
- Sử dụng máy tính vào các trò chơi, không khoá cửa, không tắt điện, nước khi hết giờ làm việc ra về thì trừ vào thi đua cá nhân, tập thể đó.
- Sử dụng vượt định mức khoán, tiêu chuẩn đã được quy định.
- Làm hư hỏng, làm mất tài sản mà không rõ lý do chính đáng thì cá nhân, tập thể phải chịu bồi thường và không được tính thi đua cho cá nhân, tập thể đó.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16: Tổ chức thực hiện

Quy chế chi tiêu nội bộ được thảo luận dân chủ trong tập thể Hội đồng sư phạm và được tập thể cán bộ, giáo viên biểu quyết thông qua.

Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi về chế độ, chính sách, định mức chi hiệu trưởng chịu trách nhiệm bổ sung, sửa đổi cho phù hợp và thông qua Hội đồng sư phạm biểu quyết.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Lương Thị Hoài

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Phương